

Số: 5031/QĐ-ĐHYD

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo
trình độ chuyên khoa cấp II sau đại học

HIỆU TRƯỞNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐT ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐT ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh một số nội dung tại Nghị quyết số 10/NQ-HĐT ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1637/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp II sau đại học;

Căn cứ Công văn số 3077/BYT-K2ĐT ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc đảm bảo chất lượng đào tạo nhân lực y tế trình độ CKI, CKII và BSNT;

Xét đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, các Đơn vị liên quan và Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

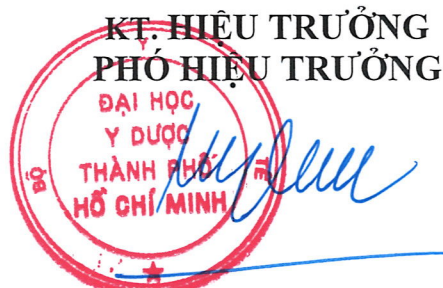
Điều 1. Ban hành chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo cho 46 chuyên ngành đào tạo trình độ chuyên khoa cấp II của Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, có chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Áp dụng chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo trong tổ chức đào tạo trình độ chuyên khoa cấp II sau đại học từ năm học 2025 – 2026 trở về sau.

Điều 3. Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp, Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, Trưởng các Phòng chức năng, Trưởng các đơn vị liên quan và học viên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐTSĐH_{NTM}.



Vương Thị Ngọc Lan

CHUẨN ĐẦU RA
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II
Chuyên ngành: Răng Hàm Mặt; Mã số: CK 62 72 28 15
(Kèm theo Quyết định số 5031/QĐ-ĐHYD ngày 29 tháng 8 năm 2025)

PLO	Nội dung	Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
1.	Tổng hợp các nguyên lý về tin học, phương pháp giảng dạy và nghiên cứu khoa học, Y đức xã hội học, sinh học phân tử vào thực hành chăm sóc người bệnh và nghiên cứu.	X	X	
2.	Thiết kế và triển khai đề tài nghiên cứu khoa học dựa trên y học chứng cứ để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực chuyên ngành	X	X	X
3.	Tích hợp hiệu quả tính chuyên nghiệp, tuân thủ các quy định, nguyên tắc đạo đức, học tập suốt đời trong hoạt động nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học.	X	X	X
4.	Vận dụng các nguyên lý cơ bản về răng hàm mặt cơ sở vào thực hành chăm sóc người bệnh và nghiên cứu khoa học.	X		
5.	Vận dụng kiến thức chuyên ngành răng hàm mặt nâng cao và chuyên sâu trong chăm sóc người bệnh và nghiên cứu khoa học.	X		
6.	Có năng lực ra quyết định mang tính chuyên gia trong chẩn đoán và lập kế hoạch điều trị, chăm sóc sức khỏe răng hàm mặt.		X	X
7.	Thực hiện các thủ thuật / kỹ thuật chuyên ngành răng hàm mặt nâng cao, chuyên sâu.	X	X	X
8.	Thảo luận các vấn đề răng hàm mặt và phổ biến kết quả nghiên cứu khoa học.		X	X
9.	Vận dụng được kiến thức và kỹ năng quản lý và quản trị, điều hành chuyên môn, phát triển công nghệ chuyên ngành răng hàm mặt .	X	X	X

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Vương Thị Ngọc Lan

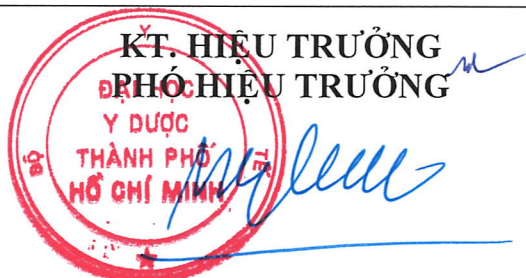
KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II

Chuyên ngành: Răng Hàm Mặt; Mã số: CK 62 72 28 15

(Kèm theo Quyết định số 5031 /QĐ-ĐHYD ngày 29 tháng 8 năm 2025)

TT	Tên học phần	Số Tín chỉ	Số ĐVHT	Phân bố theo TC	
				Lý thuyết	Thực hành
I. CÁC MÔN CHUNG: 10 TC					
1.	Tin học nâng cao	2	3	1	1
2.	Phương pháp Giảng dạy	2	3	1	1
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	3	1	1
4.	Sinh học phân tử	2	3	2	0
5.	Y đức	2	3	2	0
II. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ: 06TC					
1.	Răng Hàm Mặt cơ sở	2	3	2	0
2.	Giải phẫu bệnh RHM	1	1,5	1	0
3.	Nghiên cứu khoa học RHM	1	1,5	1	0
4.	Thực hành nghiên cứu khoa học RHM	2	3	0	2
III. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH: 48TC					
PHẦN HỌC PHẦN BẮT BUỘC: 36 TC (chọn 6 học phần môn chính)					
1.	Bệnh học miệng nâng cao I	6	9	1	5
2.	Bệnh học miệng nâng cao II	6	9	1	5
3.	Bệnh học miệng nâng cao III	6	9	1	5
4.	Chẩn đoán hình ảnh nâng cao I	6	9	1	5
5.	Chẩn đoán hình ảnh nâng cao II	6	9	1	5
6.	Chẩn đoán hình ảnh nâng cao III	6	9	1	5
7.	Cấy ghép nha khoa nâng cao I	6	9	1	5
8.	Cấy ghép nha khoa nâng cao II	6	9	1	5
9.	Cấy ghép nha khoa nâng cao III	6	9	1	5
10.	Chỉnh hình răng mặt nâng cao I	6	9	1	5
11.	Chỉnh hình răng mặt nâng cao II	6	9	1	5
12.	Chỉnh hình răng mặt nâng cao III	6	9	1	5
13.	Chữa răng - Nội nha nâng cao I	6	9	1	5
14.	Chữa răng - Nội nha nâng cao II	6	9	1	5
15.	Chữa răng - Nội nha nâng cao III	6	9	1	5
16.	Nha chu nâng cao I	6	9	1	5
17.	Nha chu nâng cao II	6	9	1	5
18.	Nha chu nâng cao III	6	9	1	5
19.	Nha khoa công cộng nâng cao I	6	9	1	5
20.	Nha khoa công cộng nâng cao II	6	9	1	5
21.	Nha khoa công cộng nâng cao III	6	9	1	5
22.	Nha khoa trẻ em nâng cao I	6	9	1	5
23.	Nha khoa trẻ em nâng cao II	6	9	1	5
24.	Nha khoa trẻ em nâng cao III	6	9	1	5

TT	Tên học phần	Số	Số	Phân bố theo TC	
		Tín chỉ	ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành
25.	Phẫu thuật hàm mặt nâng cao I	6	9	1	5
26.	Phẫu thuật hàm mặt nâng cao II	6	9	1	5
27.	Phẫu thuật hàm mặt nâng cao III	6	9	1	5
28.	Phẫu thuật miệng nâng cao I	6	9	1	5
29.	Phẫu thuật miệng nâng cao II	6	9	1	5
30.	Phẫu thuật miệng nâng cao III	6	9	1	5
31.	Phục hình răng hàm mặt nâng cao I	6	9	1	5
32.	Phục hình răng hàm mặt nâng cao II	6	9	1	5
33.	Phục hình răng hàm mặt nâng cao III	6	9	1	5
34.	Nha khoa tổng quát nâng cao I	6	9	1	5
35.	Nha khoa tổng quát nâng cao II	6	9	1	5
36.	Nha khoa tổng quát nâng cao III	6	9	1	5
37.	Cẩn khớp nâng cao I	6	9	1	5
38.	Cẩn khớp nâng cao II	6	9	1	5
39.	Cẩn khớp nâng cao III	6	9	1	5
PHẦN HỌC PHẦN TỰ CHỌN: 12 TC (chọn 2 trong 13 học phần)					
1.	Bệnh học miệng	6	9	3	3
2.	Cẩn khớp	6	9	3	3
3.	Cấy ghép nha khoa	6	9	3	3
4.	Chỉnh hình răng mặt	6	9	3	3
5.	Chữa răng - Nội nha	6	9	3	3
6.	Nha chu	6	9	3	3
7.	Nha khoa công cộng	6	9	3	3
8.	Nha khoa trẻ em	6	9	3	3
9.	Phẫu thuật hàm mặt	6	9	3	3
10.	Phẫu thuật miệng	6	9	3	3
11.	Phục hình răng hàm mặt	6	9	3	3
12.	Khoa học chẩn đoán hình ảnh RHM	6	9	3	3
13.	Nha khoa tổng quát	6	9	3	3
IV. LUẬN VĂN: 6 TC					



Vương Thị Ngọc Lan